

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẾN LÚC  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 25-3-2021  
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi  
con chung

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Đông

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Cao
2. Ông Vũ Hồng Điều

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Thành – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa:***  
Bà Trần Thị Lan Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 448/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/11/2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Trần Thị X, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: ấp 1B, xã Hựu T, huyện Đức H, tỉnh Long An.

*2. Bị đơn:* Ông Lương Thanh T, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 2, xã Thạnh L, huyện Bến L, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị X trình bày như sau:

Sau thời gian quen biết, tìm hiểu nên giữa bà Trần Thị X và ông Lương Thanh T tiến đến hôn nhân; Ông bà có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 22/7/2014; Sau thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có một con chung; thời gian sau đó, giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do ông T có người phụ nữ khác, vợ chồng không cùng quan điểm trong công việc, gia đình. Ông

bà đã ly thân từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay nhưng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị X yêu cầu được ly hôn với ông Lương Thanh T.

Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 con chung tên Lương Trần Minh Anh, sinh ngày 04/7/2020. Hiện nay, cháu Minh Anh đang sống chung với bà X. Khi Tòa án giải quyết cho bà X được ly hôn với ông T thì bà X yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Minh Anh, bà X không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà X, ông T không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt cùng ngày 26/01/2021, bị đơn ông Lương Thanh T trình bày như sau:

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà X về quá trình tìm hiểu, quen biết và thời gian sống chung, đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung; Theo ông T nguyên nhân mâu thuẫn là do chuyện tiền bạc giữa hai vợ chồng, vợ chồng không cùng quan điểm trong công việc, gia đình; vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay nhưng cả hai đều không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà X khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T thì ông T đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà X.

Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 con chung tên Lương Trần Minh Anh, sinh ngày 04/7/2020. Hiện nay, cháu Minh Anh đang sống chung với bà X. Khi Tòa án giải quyết cho bà X ly hôn với ông T thì ông đồng ý giao cháu Minh Anh cho bà X tiếp tục nuôi dưỡng, ông không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà X, ông T không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn bà X trình bày vợ chồng đã ly thân không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn tình cảm, bà X yêu cầu được ly hôn với ông T. Hiện nay, cháu Minh Anh đang sống chung với bà X được phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần. Khi Tòa án giải quyết cho bà X được ly hôn với ông T thì bà X yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Minh Anh, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: bà X và ông T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh

Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 22/7/2014 nên hôn nhân giữa bà X và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn là do ông T không chăm sóc vợ con, không lo cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã về chuyện tiền bạc; vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay nhưng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà X và ông T cũng không có biện pháp nào cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà X khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T và được ông T đồng ý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X.

Về con chung: bà X yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lương Trần Minh Anh, sinh ngày 04/7/2020, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu Minh Anh và được ông T đồng ý. Do đó, để tạo điều kiện tốt nhất cho cháu Minh Anh được phát triển khỏe mạnh nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Minh Anh cho bà X được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà X và ông T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà X khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết được ly hôn, nuôi con chung với ông T. Căn cứ Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Lương Thanh T có hộ khẩu thường trú tại huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn ông ông Lương Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ghi ý kiến của bị đơn ông T đối với yêu cầu khởi kiện của bà X. Ông T vắng mặt nhưng đã có ý kiến trình bày và có đơn đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà X, thấy rằng:

[4.1] Bà X và ông T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 22/7/2014 nên hôn nhân giữa bà X và ông T là hôn nhân hợp pháp.

[4.2] Xét nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn thấy rằng: Theo bà X nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn là do ông T có người phụ nữ khác, không lo cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã về chuyện tiền bạc; vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2020 cho đến nay nhưng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà X và ông T cũng không có biện pháp nào cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, bà X kiên quyết yêu cầu được ly hôn và được ông T đồng ý. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X.

[5] Về con chung: Bà X và ông T thống nhất, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 01 con chung tên Lương Trần Minh Anh, sinh ngày 04/7/2020, hiện nay con chung đang sống chung với bà X. Quá trình giải quyết vụ án, bà X yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lương Trần Minh Anh, sinh ngày 04/7/2020, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu Minh Anh và được ông T đồng ý. Hiện nay, cháu Minh Anh đang ở với bà X được phát triển bình thường. Do đó, để tạo điều kiện tốt nhất cho cháu Minh Anh được phát triển khỏe mạnh, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Minh Anh cho bà X được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: quá trình giải quyết vụ án, bà X không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung tên Lương Trần Minh Anh, sinh ngày 04/7/2020 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà X và ông T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bà X phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị X về việc "tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" với ông Lương Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị X được ly hôn với ông Lương Thanh T.

2. Về con chung: Bà Trần Thị X được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lương Trần Minh Anh, sinh ngày 04/7/2020. Ông Lương Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Trần Thị X chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí bà X đã nộp theo biên lai thu số 000.2482 ngày 05/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, bà Trần Thị X đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CCTHADS huyện Bến Lức;
- UBND xã Thạnh Lợi, huyện Bến Lức
- Các đương sự;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đình Đông**